

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHOÁI CHÂU  
TỈNH HUNG YÊN

---\*\*\*---

Bản án số: 32/2017/HSST

Ngày: 20/6/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

***Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Nguyễn Đức Tuấn.

2/ Trần Xuân Hòa.

**- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Cán bộ toà án.

**- *Đại diện VKSND huyện Khoái Châu:*** Bà Lê Thị Chung - KSV.

Hôm nay ngày 20/6/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2017/HSST ngày 18/5/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/HSST-QĐXX ngày 06/6/2017 đối với bị cáo:

**Lê Đình B**, sinh năm 1962; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Trình độ văn hóa: 07/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông A (đã chết) và con bà C, sinh năm 1923; Có vợ là bà T, sinh năm 1965 và có 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1991. Tiền án, tiền sự: chưa có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

***Những người bị hại:***

1. Anh D, sinh năm 1991;

2. Anh N, sinh năm 1989.

Đều trú tại: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Đều có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà H, sinh năm 1965;

Trú tại: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

***Những người làm chứng:***

1/ Bà T, sinh năm 1965;

Trú tại: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

2/ Anh Đ, sinh năm 1986;

3/ Ông P, sinh năm 1962;

4/ Ông L, sinh năm 1963.

Đều trú tại: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 21/7/2016 bà H, sinh năm 1965 ở thôn H, xã H, huyện K đến nhà anh trai là B để thăm mẹ đẻ ốm. Do có mâu thuẫn từ trước nên khi bà H đến thì B đã đuổi bà H về và hai bên xảy ra xô xát nên bà H về nhà kể lại với hai con trai là anh D, sinh năm 1991 và anh N, sinh năm 1989. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày anh D và anh N rủ nhau đến nhà B mục đích để thăm bà ngoại và hỏi B về chuyện xô xát lúc chiều giữa B và bà H. Khi đi anh D điều khiển xe mô tô Jupiter BKS 89E1 – 006.39, anh N điều khiển xe mô tô Wave có BKS 89E1-345.01 chở theo sau là TA quê ở Thái Bình. Đến nơi anh D và anh N dựng xe trước cửa xưởng cũ nhà B (nơi ông M là em trai B đang ở nhờ). TA ngồi ở trước cửa xưởng còn D và N đi bộ sang nhà B, thấy N và D đến B đi ra ngõ ngăn không cho N và D vào nhà nên giữa B và anh D, anh N có xảy ra xô xát dẫn đến B bị thương tích ở đầu. B cầm chiếc xe đồ chơi vụt lại thì N và D bỏ chạy, B tiếp tục cầm gạch ném về phía D và N. D và N chạy về phía dựng hai chiếc xe trước cửa xưởng của B nhưng sợ B cầm gạch ném nên đã bỏ lại hai chiếc xe ở trước cửa xưởng nhà B. B cầm 01 viên gạch chỉ đỏ kích thước 20×10×5cm đi đến nơi dựng hai chiếc xe rồi dùng tay phải đập nhiều nhất vào mặt đồng hồ công tơ, bàn thờ, đèn hậu phía sau của hai chiếc mô tô. Sau đó B vào cửa xưởng nhặt 01 chiếc búa kim loại dài 29,5 cm, cán búa dài 26 cm, đầu búa bằng sắt dài 13,5cm một đầu vuông, một đầu dẹt đập nhiều nhất vào buồng máy và chắn bùn của cả hai chiếc xe mô tô. Thấy hai chiếc xe được dắt vào sân nhà B, B tiếp tục cầm 01 con dao dài 32cm, lưỡi dao bằng kim loại bản rộng 6cm, mũi dao bằng rạch nhiều nhất vào phần yên của hai xe rồi cắt lốp bánh trước và bánh sau của cả hai xe.

Ngay sau khi xảy ra sự việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời thu giữ 01 chiếc búa kim loại có đặc điểm nêu trên, quản lý 02 chiếc xe mô tô bao gồm: 01 chiếc xe mô tô Jupiter màu đen, trắng, đỏ có BKS 89E1 – 006.39, xe không gương chiếu hậu, mặt bàn thờ, cụm đèn pha phía sau bị hư hỏng hoàn toàn, hai đèn xin nhan phía trước và phần nhựa ốp xung quanh bị vỡ, hư hỏng, lốp trước bị cắt, lốc máy bằng gang phía trước bên phải của xe bị vỡ, phần nhựa bên trên lốc máy ở thân xe bị vỡ, lốp xe sau bị cắt rách không còn hơi; 01 xe moto nhãn hiệu HONDA Wave, màu trắng bạc, đen mang biển số

89E1 – 345.01, xe không gương chiếu hậu, mặt bàn thờ, cụm đèn pha phía trước hỏng phần nhựa phía trước xe, dưới đèn pha không có, cánh yếm hai bên bị vỡ phía trước, chắn bùn trước xe không có, lốp trước bị cắt rách, buồng bánh xe bên phải bị vỡ, ốp nhựa thân bên phải xe có vết vỡ, vỏ yên xe có nhiều vết rạch rách, cụm đèn hậu và hai xi nhan phía sau bị vỡ, lốp sau bị cắt rách.

Ngày 22/7/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm vật chứng là viên gạch mà B dùng để đập phá hai chiếc xe mô tô, kết quả không tìm thấy được. Đến ngày 25/7/2016 B đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra 01 con dao bằng kim loại mà B đã dùng để làm hư hỏng hai chiếc xe nói trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KLĐG ngày 30/9/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Khoái Châu kết luận: Tổng giá trị các bộ phận bị hư hỏng của chiếc xe mô tô BKS 89E1 – 006.39 là 5.880.000 đồng và tổng giá trị các bộ phận bị hư hỏng của xe mô tô BKS 89E1 – 345.01 là 3.650.000 đồng.

Ngày 26/12/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh D và anh N 02 chiếc xe mô tô nói trên. Anh D và anh N đã nhận lại xe và mang xe đi sửa. Đối với chiếc xe mô tô BKS 89E1 – 006.39 anh D sửa chữa hết 11.230.000 đồng. Đối với chiếc xe mô tô BKS 89E1 – 345.01 anh N sửa chữa hết 7.070.000 đồng. Tuy nhiên anh D và anh N chỉ yêu cầu B bồi thường giá trị tài sản thiệt hại như Cơ quan định giá kết luận.

Tại bản cáo trạng số: 34/QĐ-VKS-HS, ngày 17 tháng 05 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Lê Đình B về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 143 - Bộ luật hình sự.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với Lê Đình B về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 41, khoản 1 Điều 42, khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của BLHS 1999; điểm a khoản 2 Điều 76 của BLTTHS; Điều 357, Điều 585, Điều 589 của BLDS năm 2015; Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đình B từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/06/2017); Giao bị cáo cho UBND xã H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh D số tiền 5.880.000đồng giá trị thiệt hại đối với chiếc xe BKS 89E1 – 006.39 và bồi thường cho anh N số tiền 3.650.000đ giá trị thiệt hại của chiếc xe 89E1 – 345.01. Được đối trừ với số tiền 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) mà bị cáo B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu tại

phiếu thu số 006060, ngày 06/6/2017, số tiền còn thiếu bị cáo phải bồi thường tiếp cho các bị hại; Tịch thu cho tiêu hủy đối với: 01 con dao thân dài 32 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, dao có một lưỡi sắc, mũi dao bằng, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 10cm; 01 chiếc búa sắt dài 29,5cm, cán búa làm bằng tuýp sắt có đường kính 2,7cm, dài 26cm, đầu búa bằng sắt dài 13,5cm, một đầu vuông kích thước 3,7×3,7cm, một đầu dẹt kích thước 3,5× 0,3cm; 01 gậy tuýp sắt có đường kính 2,7cm, dài 80cm.

- Bị cáo B nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố bị cáo về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo thừa nhận đã có hành vi dùng gạch, búa và dao đập, cắt, rạch vào nhiều bộ phận của 02 chiếc xe mô tô có BKS 89E1 – 006.39 và 89E1 – 345.01 của anh D và anh N chỉ với mục đích làm cho hai chiếc xe trên bị hỏng để anh N và anh D không mang đi khỏi hiện trường được vì theo bị cáo thì hai chiếc xe trên là vật chứng trong việc N và D đã gây thương tích cho bị cáo.

- Những người bị hại là anh D, anh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H trình bày quan điểm nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử đúng pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo B phải bồi thường cho các bị hại giá trị thiệt hại đối với chiếc xe có BKS 89E1 – 006.39 của anh D là 5.880.000đ và chiếc xe có BKS 89E1 – 345.01 của anh N là 3.650.000đ.

- Người làm chứng bà T trình bày: Bị cáo B có làm hư hỏng hai chiếc mô tô có BKS 89E1 – 006.39 và BKS 89E1 – 345.01 của N và của D là do bị cáo B bức xúc về việc D và N đến nhà gây thương tích cho chồng bà là bị cáo B.

Lời nói sau cùng của bị cáo B: Bản thân bị cáo đã rất ăn năn hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện giúp đỡ gia đình trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

Ngoài ra, một số người làm chứng như anh Đ, ông P, ông L đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 192 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận vào ngày 21/7/2016 đã có hành vi phá hoại làm hư hỏng hai chiếc xe mô tô có BKS 89E1 – 006.39 và 89E1 – 345.01 của anh D và anh N. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng bà T, anh Đ, ông P và ông L. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/7/2016 tại thôn H, xã H, huyện Khoái Châu, Lê Đình B đã có hành vi dùng gạch, búa và dao đập, cắt, rạch vào nhiều bộ phận của 02 chiếc xe mô tô có BKS 89E1 – 006.39 và 89E1 – 345.01 của anh D và anh N ở cùng thôn gây hư hỏng, trị giá thiệt hại được Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Khoái Châu kết luận là 9.530.000 đồng (Chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Do đó bị cáo đã phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 143 của BLHS năm 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo B khẳng định N, D đã cầm gạch ném gây thương tích cho bị cáo vào tối 21/7/2016, bị cáo đã đề nghị đi giám định tỷ lệ thương tật và có đơn yêu cầu khởi tố đối với N và D. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tách nội dung yêu cầu của B để tiếp tục xác minh, xử lý vụ việc có dấu hiệu Cố ý gây thương tích. Việc Cơ quan điều tra tách nội dung yêu cầu của bị cáo B nêu trên không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án, đúng pháp luật.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đập phá các tài sản của anh N và anh D, làm cho các tài sản này bị hư hỏng, làm giảm sút giá trị sử dụng của tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do mâu thuẫn cá nhân với N và D, không làm chủ được hành vi của bản thân nên bị cáo vẫn thực hiện. Tài sản bị cáo làm hư hỏng có giá trị 9.530.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Lê Đình B về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 143 - Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã gây thiệt hại đối với tài sản hợp pháp của công dân, được pháp luật bảo vệ. Hành

vi của bị cáo còn gây mất trật tự an ninh ở địa phương, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Vì vậy pháp luật cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật.

**Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trước khi mở phiên tòa bị cáo B đã tự nguyện nộp 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu để bồi thường thiệt hại tạm thời nhằm khắc phục một phần hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra. Ngoài ra bị cáo B cũng đã có đơn xin cải tạo tại địa phương và đã được chính quyền xã H xác nhận; Bản thân bị cáo đã có đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới Tổ quốc được Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng tặng Kỷ niệm chương vì chủ quyền an ninh Biên giới. Do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS 1999 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo B có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng. Nên chỉ cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 – BLHS năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 – Luật thi hành án hình sự.

**Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng...” Do đó bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập chính từ nông nghiệp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, anh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.880.000đ giá trị thiệt hại đối với chiếc xe mô tô BKS 89E1 – 006.39; Anh N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.650.000đ giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô BKS 89E1 – 345.01. Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã xác định được bị cáo B đã dùng gạch, búa và dao đập, cắt, rạch vào nhiều bộ phận của 02 chiếc xe mô tô có BKS 89E1 – 006.39 và 89E1 – 345.01 của anh D và anh N vào tối 21/7/2016, trị giá thiệt hại được Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Khoái Châu kết luận giá trị các bộ phận bị hư hỏng của chiếc xe mô tô BKS 89E1 – 006.39 là 5.880.000 đồng và tổng giá trị các bộ phận bị hư hỏng của xe mô tô BKS 89E1 – 345.01 là 3.650.000 đồng. Nên cần áp dụng khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999, Điều 357, Điều 585, Điều 589 của BLDS năm 2015 chấp nhận cầu của N và D buộc bị cáo phải bồi thường cho anh N và anh D số tiền nêu trên nhưng được trừ với số tiền 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi đồng) mà bị cáo B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu tại phiếu thu số 006060, ngày 06/6/2017, số tiền còn thiếu bị cáo phải bồi thường tiếp cho các bị hại.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh D, anh N có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo B chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành khoản tiền nói trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/ 1năm đối với khoản tiền chậm trả.

**Về vật chứng trong vụ án:** Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số vật chứng sau: 01 con dao thân dài 32 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, dao có một lưỡi sắc, mũi dao bằng, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 10cm; 01 chiếc búa sắt dài 29,5cm, cán búa làm bằng tuýp sắt có đường kính 2,7cm, dài 26cm, đầu búa bằng sắt dài 13,5cm, một đầu vuông kích thước 3,7×3,7cm, một đầu dẹt kích thước 3,5× 0,3cm và 01 gậy tuýp sắt có đường kính 2,7cm, dài 80cm. Do đây là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 và điểm a khoản 2 Điều 76 – BLTTHS để tịch thu cho tiêu hủy.

**Về án phí:** Cần buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí trách nhiệm dân sự theo quy định tại Điều 99 – BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lý do trên,**

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lê Đình B phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Áp dụng: khoản 1 Điều 143; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của BLHS 1999; Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Xử phạt: Lê Đình B 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/6/2017).

Giao bị cáo B cho UBND xã H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

**2. Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Đình B.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999, Điều 357, Điều 585, Điều 589 của BLDS năm 2015; Buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh D, sinh năm 1991 trú tại thôn H, xã H, huyện K số tiền 5.880.000đ (Năm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) và bồi thường cho anh N, sinh năm 1989 trú tại thôn H, xã H, huyện K số tiền 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Được đối trừ với số tiền 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) mà bị cáo B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu tại phiếu thu số 006060, ngày 06/6/2017, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 5.880.000đ (Năm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh D, anh N có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo B chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành khoản tiền nói trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/ 1 năm đối với khoản tiền chậm trả.

**4. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của BLHS năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 76 của BLTTHS năm 2003.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 con dao thân dài 32 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, dao có một lưỡi sắc, mũi dao bằng, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 10cm; 01 chiếc búa sắt dài 29,5cm, cán búa làm bằng tuýp sắt có đường kính 2,7cm, dài 26cm, đầu búa bằng sắt dài 13,5cm, một đầu vuông kích thước 3,7×3,7cm, một đầu dẹt kích thước 3,5× 0,3cm; 01 gậy tuýp sắt có đường kính 2,7cm, dài 80cm. (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 27/QĐ-VKS ngày 17/05/2017 của VKSND huyện Khoái Châu).

**5. Án phí:** Áp dụng Điều 99 – BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Đình B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và án phí trách nhiệm dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

**6. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án, phần quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2017).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Khoái Châu;
- CA huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có QLNVLQ;
- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- Lưu HS.

**Nguyễn Thị Thu Hương**